

Bản án số: 02/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 07-12-2021.

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Nguyên.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Hà.

2. Bà Ksor Tập.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum tham gia phiên tòa: Bà Chu Thị Sáu – Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2021/TLST-HNGĐ ngày 04/01/2021 (Thụ lý cũ số 07/2020/TLST-HNGĐ ngày 22/4/2020) về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/11/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Vũ Thị Lệ Hồng T, sinh năm 1990. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: số phòng 203, tòa nhà M, số 22, xã T, huyện K, tỉnh M, Nhật Bản.

- Bị đơn: Anh Đoàn Xuân T, sinh năm 1990. (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn 11, xã H, huyện H, tỉnh Kon Tum.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 02/3/2020, quá trình giải quyết vụ án và các tài liệu chứng cứ kèm theo, nguyên đơn chị Vũ Thị Lệ Hồng T trình bày:

Chị Vũ Thị Lệ Hồng T và anh Đoàn Xuân T tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Kon Tum cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 02/8/2013. Tháng 01 năm 2019, anh T xuất cảnh sang Nhật Bản, đến tháng 8 năm 2019 chị T cũng xuất cảnh sang Nhật Bản. Trong thời gian chung sống với nhau, anh T nhiều lần dùng bạo lực đánh đập chị. Đỉnh điểm vào ngày 23/02/2020, anh T đã dùng dao cổ mưu sát chị và chịu hình phạt buộc trực

xuất khỏi nước sở tại Nhật Bản (theo Bản thông báo mẫu số 8-4 ngày 01/6/2020 và Lệnh bảo hộ ngày 13/3/2020). Đời sống chung của vợ chồng anh chị không thể tiếp tục nên yêu cầu Tòa án giải quyết để chị T được ly hôn với anh Đoàn Xuân T. Do điều kiện làm việc ở xa nên chị T có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 12/3/2020.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng anh chị sinh được 02 con chung là Đoàn Vũ Th, sinh ngày 26/3/2014 và Đoàn Vũ K.Y, sinh ngày 25/8/2015. Hiện tại mức thu nhập hàng tháng của chị là 28.000.000đ (*Hai mươi tám triệu đồng*) nên yêu cầu được nuôi 02 con chung và không yêu cầu anh T thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng.

Tại đơn đề nghị về việc thay đổi thông tin đề ngày 10/11/2020, chị T thay đổi yêu cầu nuôi 01 con chung là cháu Đoàn Vũ K.Y, sinh ngày 25/8/2015. Tuy nhiên, văn bản chưa hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai đề ngày 07/6/2021 và tại phiên tòa, bị đơn anh Đoàn Xuân T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Đúng như lời trình bày của chị T. Trong thời gian đầu, chúng tôi chung sống hạnh phúc. Ngày 27/4/2018, vợ chồng tôi đến phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh Kon Tum làm thủ tục đi Nhật Bản. Tại đây, tôi có đánh đập chị T và bị Tòa Nhật Bản xử phạt tôi tù 01 năm, hoãn thi hành án sau 03 năm. Nay cuộc sống vợ chồng ngày càng bất hòa, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, tình cảm của tôi với chị T không còn. Đề nghị Tòa án cho chúng tôi được ly hôn.

Về con chung: Chúng tôi có 02 con chung như lời chị T trình bày. Hiện nay cả 02 con đang sống cùng với tôi tại thôn 11, xã H, huyện H, tỉnh Kon Tum. Nay đề nghị Tòa xem xét cho nuôi 02 con để không ảnh hưởng đến việc học hành. Tôi không đồng ý để chị T chăm nuôi 02 con vì chị T đang sinh sống và làm việc tại Nhật Bản, tình cảm dành cho con ít và không yêu cầu chị T cấp dưỡng. Tại Nhật Bản, tôi làm nghề công nghệ ô tô, mức lương bình quân hàng tháng khoảng 40.000.000đ (*Bốn mươi triệu đồng*). Ngày 17/3/2021, tôi đã về Việt Nam, cư trú tại thôn 11, xã H, huyện H, tỉnh Kon Tum và không còn làm việc tại Nhật Bản. Từ ngày về Việt Nam, tôi cũng làm nghề công nghệ ô tô và làm nông nghiệp thu nhập bình quân 8.500.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Chúng tôi không có tài sản chung, không nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum tham gia phiên tòa phát biểu về việc chấp hành pháp luật và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

* Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và bị đơn đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn là đúng quy định của pháp luật.

* Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 37, khoản 4 Điều 147, điểm d khoản 1 Điều 469 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, khoản 1 Điều 56, Điều 81, khoản 2 Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014:

Chấp nhận đơn xin ly hôn và tranh chấp nuôi con của nguyên đơn, tuyên chỉ Vũ Thị Lệ Hồng T được ly hôn với anh Đoàn Xuân T.

Về con chung: Giao cho anh Đoàn Xuân T được quyền trực tiếp chăm sóc, giáo dục 02 con chung là Đoàn Vũ Th và Đoàn Vũ K.Y. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở ý kiến tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Vũ Thị Lệ Hồng T hiện đang sinh sống và làm việc tại Nhật Bản khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết xin ly hôn với anh Đoàn Xuân T. Do vậy, đây là vụ án tranh chấp về ly hôn có đương sự là người nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, Điều 39, điểm d khoản 1 Điều 469, Điều 476, Chương XXXVIII quy định chung về thủ tục giải quyết vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 123 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã gửi các văn bản tố tụng cho nguyên đơn qua đường bưu điện đồng thời ủy thác tư pháp theo quy định. Theo án định trong thông báo thụ lý vụ án, ngày 20/5/2021, Tòa án mở phiên tòa, nhưng do việc ủy thác tư pháp chưa có kết quả và thời hạn giải quyết vụ án đã hết nên Tòa án ra Quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án số 02/2021/QĐST-HNGĐ để đợi kết quả thực hiện ủy thác tư pháp. Sau khi ra Quyết định tạm đình chỉ, ngày 02/6/2021, Tòa án làm thủ tục ủy thác tư pháp số 15/UTTPDS-TA34 (Lần 2).

Do không nhận được kết quả qua 02 lần ủy thác nên ngày 30/8/2021, Tòa án có Công văn gửi tới Bộ tư pháp và Vụ hợp tác quốc tế để hỗ trợ việc ủy thác tư pháp theo quy định tại khoản 4 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và hướng dẫn tại Công văn số 64/TANDTC-HTQT ngày 09/6/2021 của Tòa án nhân dân tối cao.

Ngày 04/11/2021, Tòa án nhận được Văn bản số 15/07/2021/UTTP-ĐSQ ngày 30/9/2021 của Đại sứ quán Việt Nam tại Nhật Bản về việc tổng đạt văn bản tố tụng đối với chị Vũ Thị Lệ Hồng T. Văn bản trả lời đã gửi thông báo cho chị T theo địa chỉ trong hồ sơ ủy thác tư pháp ngày 02/11/2020 (Lần 1) và ngày 05/7/2021 (Lần 2) nhưng không thấy trả lời. Do đó, Đại sứ quán đã tiến hành niêm yết nội dung ủy thác tư pháp tại trụ sở Đại sứ quán 30 ngày từ ngày 02/11/2020 nhưng chị T không đến nhận hồ sơ tổng đạt.

Ngày 12/10/2021, Tòa án ra quyết định tiếp tục giải quyết vụ án số 02/2021/QĐST-HNGĐ.

Ngoài ra, Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum đã niêm yết và đăng thông báo các văn bản tố tụng trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum theo quy định.

Căn cứ vào kết quả ủy thác của Đại sứ quán Việt Nam tại Nhật Bản và áp dụng khoản 1 Điều 228, điểm a khoản 5 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Vũ Thị Lệ Hồng T là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Vũ Thị Lệ Hồng T và anh Đoàn Xuân T đã tuân thủ các điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Xét thấy, đây là hôn nhân hợp pháp trên cơ sở tự nguyện giữa các bên.

Xét về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Vũ Thị Lệ Hồng T và anh Đoàn Xuân T thấy rằng: Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian đầu. Năm 2019, anh T và chị T xuất cảnh sang Nhật Bản để làm ăn. Trong thời gian chung sống với nhau, hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, anh T có hành vi đánh đập chị T và bị Tòa Nhật Bản xử phạt tù 01 năm (theo Bản thông báo mẫu số 8-4 ngày 01/6/2020 và Lệnh bảo hộ ngày 13/3/2020). Các văn bản này do nguyên đơn cung cấp và chưa được hợp pháp hóa lãnh sự nhưng được bị đơn thừa nhận nên không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh T đã trầm trọng và không có khả năng đoàn tụ. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh T đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân của vợ chồng anh T và chị T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 và Điều 127 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Vũ Thị Lệ Hồng T với anh Đoàn Xuân T.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng anh T chị T có 02 con chung là Đoàn Vũ Th, sinh ngày 26/3/2014 và Đoàn Vũ K.Y, sinh ngày 25/8/2015, hiện đang sống với anh Đoàn Xuân T. Chị T có nguyện vọng nuôi 02 con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Tại đơn đề nghị về việc thay đổi thông tin đề ngày 10/11/2020, chị T thay đổi yêu cầu nuôi 01 con chung là Đoàn Vũ K.Y. Văn bản này chưa được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định tại khoản 2 Điều 478 Bộ luật tố tụng dân sự nên không xem xét.

Các đương sự khai có thu nhập ổn định (chị T 28.000.000đ/tháng, anh T 8.500.000 đồng/tháng) và đều có nguyện vọng nuôi con chung là hoàn toàn chính đáng. Tuy nhiên, hiện nay chị T còn đang lao động tại Nhật Bản nên không thể nuôi, chăm sóc, giáo dục con. Thực tế hiện nay 02 con đang ở với anh T tại thôn 11, xã H, huyện H, tỉnh Kon Tum. Tại Biên bản lấy lời khai ngày 08/6/2021, con Đoàn Vũ Th có nguyện vọng ở với anh T. Do đó, cần giao con

Đoàn Vũ Th và Đoàn Vũ K.Y cho anh T nuôi, chăm sóc, giáo dục cho đến khi 02 con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động được. Về chi phí cấp dưỡng nuôi 02 con chung, anh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét. Sau khi về Việt Nam, nếu có yêu cầu chị T có quyền làm đơn xin thay đổi nuôi con theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Trong thời gian anh T nuôi, chăm sóc, giáo dục 02 con, chị T được quyền đi lại, thăm, chăm sóc 02 con, anh T không được phép ngăn cản.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình chung sống, chị T và anh T không có tài sản chung, không nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại biên lai số 0002287 ngày 22/4/2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Kon Tum. Chị Vũ Thị Lệ Hồng T đã nộp đủ.

[4] Về lệ phí và chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài:

- Lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài: Chị T phải nộp 200.000đ (*Hai trăm ngàn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền 200.000đ (*Hai trăm ngàn đồng*) tạm ứng lệ phí đã nộp tại biên lai số 0002289 ngày 01/6/2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Kon Tum.

- Chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài: Chị T phải chịu số tiền 8.770.774 đồng (Đã chi 6.770.774 đồng, dự tính gửi Bản án sau khi xét xử 2.000.000 đồng). Chị T đã nộp tạm ứng số tiền 10.000.000 đồng, hoàn trả cho chị T số tiền còn lại 1.229.226đ (*Một triệu, hai trăm hai mươi chín ngàn, hai trăm hai mươi sáu đồng*).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; Điều 39; Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 152; khoản 3 Điều 153; Điều 154; khoản 1 Điều 228; Điều 476; điểm a khoản 5 Điều 477; khoản 1, 2 Điều 479; Chương XXXVIII quy định chung về thủ tục giải quyết vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Điều 8, Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 123, Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 6, Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 và Điều 44 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

Xử: Chấp nhận một phần đơn khởi kiện về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” của chị Vũ Thị Lệ Hồng T đề ngày 02/3/2020.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị Lệ Hồng T được ly hôn với anh Đoàn Xuân T.

2. Về con chung: Giao con Đoàn Vũ Th, sinh ngày 26/3/2014 và con Đoàn Vũ K.Y, sinh ngày 25/8/2015 cho anh Đoàn Xuân T trực tiếp trông

nom, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động được. Trường hợp có yêu cầu, chị T có quyền làm đơn xin thay đổi nuôi con.

Trong thời gian anh T nuôi, chăm sóc và giáo dục 02 con, chị T được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc 02 con. Anh T không được ngăn cản.

3. Về án phí: Chị Vũ Thị Lệ Hồng T phải nộp 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại biên lai số 0002287 ngày 22/4/2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Kon Tum. Chị T đã nộp đủ.

4. Về lệ phí và chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài ra nước ngoài: Chị Vũ Thị Lệ Hồng T phải nộp 200.000đ (*Hai trăm ngàn đồng*) tiền lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài, nhưng được trừ vào số tiền 200.000đ (*Hai trăm ngàn đồng*) tạm ứng lệ phí đã nộp tại biên lai số 0002289 ngày 01/6/2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Kon Tum và phải chịu chi phí tổng đạt các văn bản tố tụng ra nước ngoài số tiền 8.770.774 đ (*Tám triệu, bảy trăm bảy mươi ngàn, bảy trăm bảy mươi bốn đồng*). Chị Vũ Thị Lệ Hồng T đã nộp đủ. Hoàn trả lại cho chị T số tiền 1.229.226 đ (*Một triệu, hai trăm hai mươi chín ngàn, hai trăm hai mươi sáu đồng*).

5. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án (07/12/2021), bị đơn anh Đoàn Xuân T có quyền kháng cáo bản án theo trình tự phúc thẩm.

Nguyên đơn chị Vũ Thị Lệ Hồng T đang cư trú ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 (*Một*) tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao Đà Nẵng;
- VKSND cấp cao Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Kon Tum;
- Các đương sự;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Kon Tum;
- UBND xã Đăk Hring, huyện Đăk Hà;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Huỳnh Nguyên